

Số: 189/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 ngày 6 tháng 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 120/Ctr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVI về Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Triển khai Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền số, xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số theo chương trình chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế. Chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ gắn với mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm lớn của cả nước về Khoa học và Công nghệ (Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, định hướng đến 2045).

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Chuyển đổi số ngành hướng đến hoàn thiện và xây dựng Chính quyền số

- 100% hoạt động quản lý nhà nước ngành Khoa học và Công nghệ sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ các văn bản Mật theo quy định);

- Duy trì 100% dịch vụ công đủ điều kiện công bố mức độ 4, xử lý dịch vụ hành chính công được thực hiện bằng quy trình số;

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của ngành Khoa học và Công nghệ được phân cấp;

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;

- 80-100% dữ liệu chuyên ngành được số hóa để thực hiện việc chuyển đổi số;

- 50% dữ liệu chuyên ngành được cập nhật vào hệ thống số hóa dùng chung của tỉnh và được số hóa quy trình khai thác;

- Triển khai hệ thống phòng họp số (gồm ứng dụng phòng họp thông minh và giải pháp họp trực tuyến);

- 100% báo cáo định kỳ (trừ các thông tin bí mật nhà nước) được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống báo cáo số của tỉnh, Hệ thống báo cáo chuyên ngành Khoa học và Công nghệ và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

b) Chuyển đổi số ngành hướng đến xây dựng Xã hội số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (CC-VC-NLĐ) ngành Khoa học và Công nghệ cài đặt Hue-S và triển khai các hoạt động công vụ trên nền tảng Hue-S;

- 100% các thông tin chỉ đạo, điều hành của ngành Khoa học và Công nghệ được đăng tải, phổ biến trên trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (trừ các thông tin bí mật nhà nước);

- 100% phản ánh, góp ý của người dân liên quan đến ngành Khoa học và Công nghệ thông qua ứng dụng Hue-S được xử lý đúng quy định.

c) Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển Kinh tế số

- 100% CC-VC-NLĐ thực hiện thanh toán các dịch vụ phổ biến (điện, nước, viễn thông...) thông qua ứng dụng Hue-S;

- 100% các hoạt động về tài chính (thu-chi) của ngành Khoa học và Công nghệ thực hiện theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025”;

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt;

- Triển khai hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch... theo các chính sách của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ hướng đến hoàn thiện Chính quyền số và xây dựng Chính quyền số, Công sở số

a) Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách thường xuyên, liên tục.

- Xây dựng chuyên mục chuyên đổi số ngành Khoa học và Công nghệ trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ; thông tin, tuyên truyền, xử lý thông tin qua Hue-S;

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn cấp tỉnh, bộ, ngành trung ương về công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị, diễn đàn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số gắn với kế hoạch thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0);

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, kết nối nhằm giới thiệu, chia sẻ dữ liệu số của ngành Khoa học và Công nghệ với các tổ chức, cơ quan trong và ngoài tỉnh.

b) Kiến tạo thể chế

- Nghiên cứu, áp dụng và triển khai các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương về công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

- Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản của ngành đảm bảo điều kiện, thuận lợi cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, trong đó chú trọng các nội dung sau:

- + Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các thiết chế Khoa học và Công nghệ: xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ sinh thái thông minh; phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, có khả năng ứng dụng cao; Hỗ trợ xây dựng Đại học Huế trở thành trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ, hình thành và từng bước hoàn thiện Khu Công nghệ cao;

- + Nghiên cứu ban hành các chính sách, cơ chế nhằm hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng tiên tiến hiện đại; Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã số mã vạch và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, công cụ quản lý tiên tiến;

- + Bổ sung, hoàn thiện các văn bản liên quan việc quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ theo hướng khuyến khích các ngành, tổ chức, cá nhân tăng cường hoạt động nghiên cứu, đăng ký xây dựng nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ mang tính ứng dụng liên quan đến chuyển đổi số;

- + Rà soát, xây dựng hệ thống văn bản, các quy trình ISO phục vụ công tác quản lý nhà nước đặc biệt lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

+ Lập danh mục số hóa của ngành Khoa học và Công nghệ; danh mục các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai;

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ hành chính hiện đại, tối ưu hóa mẫu biểu, quy trình để tổ chức áp dụng môi trường số trong hoạt động của cơ quan.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp phát chữ ký số cho 100% CC-VC-NLĐ; cấp phát chữ ký số qua SIM di động cho 100% lãnh đạo cấp Phòng trở lên để triển khai hệ thống chữ ký số, chữ ký điện tử trong toàn ngành; đưa vào khai thác, sử dụng các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin, có đầy đủ bản quyền.

d) Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Gắn kết việc triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số với hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh thông qua việc áp dụng ISO điện tử gắn với việc xây dựng Chính quyền số và chuyển đổi số;

- Triển khai số hóa, nâng cấp, xây dựng các phần mềm dữ liệu chuyên ngành Khoa học và Công nghệ: dữ liệu các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2010-2020; dữ liệu sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng;

- Triển khai hạ tầng phục vụ kết nối mạng lưới thiết bị IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số, bao gồm cả các thiết bị IoT của doanh nghiệp để thiết lập nền tảng số thu nhận dữ liệu, thông tin... Khoa học và Công nghệ toàn tỉnh;

- Phát triển, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, trong đó chú trọng đầu tư tại mỗi điểm có 01 phòng họp số (phòng họp thông minh, trực tuyến); Đầu tư xây dựng website của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó:

+ Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung: đảm bảo việc xây dựng Bảo tàng số (bảo tàng ảo) phục vụ tham quan, học tập, nghiên cứu;

+ Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ: Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ (Chợ ảo công nghệ và thiết bị) hoạt động nhằm kết nối, chia sẻ, triển khai các dịch vụ chuyển giao công nghệ trên môi trường mạng;

+ Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và Thông tin khoa học: đảm bảo việc kết nối, chia sẻ CSDL của Bộ Khoa học và Công nghệ cho tỉnh Thừa Thiên Huế (thông qua mạng Vinaren; hệ thống dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia).

2. Chuyển đổi số ngành hướng đến xây dựng Xã hội số

- Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu của ngành Khoa học và Công nghệ với các hệ thống, cơ sở dữ liệu trong tỉnh nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh;

- Nghiên cứu phát triển các giải pháp khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành Khoa học và Công nghệ trên nền tảng di động, thiết bị thông minh nhằm mở rộng khả năng tương tác, tiếp cận của công dân, tổ chức và doanh nghiệp;

- Nâng cấp, hoàn thiện Website Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo hoạt động ổn định về kỹ thuật; bảo mật an toàn, an ninh mạng, nhằm cập nhật kịp thời các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Khoa học và Công nghệ, kết nối với Website của Bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ cho việc tra cứu, phổ biến thông tin; tích hợp các dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- Triển khai các chương trình của Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chương trình hành động thực hiện một số chủ trương, chính sách tham gia cuộc CMCN 4.0 trên địa bàn;

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tiến tới nền hành chính thân thiện và hiện đại, thích hợp với cuộc CMCN 4.0;

- Hình thành mạng lưới, kết nối các tổ chức Khoa học và Công nghệ, các Viện, Trung tâm nghiên cứu để kết nối, chia sẻ, tích hợp với hệ thống dữ liệu của ngành, của tỉnh.

3. Chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ hướng đến phát triển Kinh tế số

- Triển khai Đề án “Thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025”; phối hợp, hoàn thiện hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt để tạo điều kiện thúc đẩy giao dịch trực tuyến, không sử dụng tiền mặt trong cơ quan nhà nước và một số ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh;

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh;

- Tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền CC-VC-NLĐ không dùng tiền mặt trong thanh toán các dịch vụ giao dịch phổ biến (điện, nước, viễn thông...) thông qua ứng dụng Hue-S;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin khoa học và công nghệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ qua sàn giao dịch công nghệ;

- Triển khai hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: ưu tiên đưa vào danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hàng năm đối với các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

- Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã số mã vạch và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, công cụ quản lý tiên tiến cho các tổ chức, cá nhân;

- Khuyến khích phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực phát triển công nghệ số, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường. Đặc biệt, xây dựng chính sách ưu tiên doanh nghiệp mới tham gia phát triển Chính quyền số, Đô thị thông minh và cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại Thừa Thiên Huế;

- Triển khai, đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì trên địa bàn tỉnh.

4. Nguồn nhân lực đảm bảo triển khai

- Tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, CC-VC-NLĐ, người lao động tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Khoa học và Công nghệ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển của ngành Khoa học và Công nghệ;

2. Kinh phí từ các dự án, thực hiện theo hình thức hợp tác công tư, tài trợ, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể;

3. Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số và Đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế

Chỉ đạo các hoạt động về việc triển khai Kế hoạch ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện; lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách sự nghiệp Khoa học và Công nghệ để thực hiện Kế hoạch;

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp, hỗ trợ việc triển khai của nội dung trong Kế hoạch;

- Đưa nội dung của ngành Khoa học và Công nghệ vào trong Đề án tổng thể chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng 2030 của tỉnh;

- Hỗ trợ ngành Khoa học và Công nghệ về đầu tư hạ tầng, giải pháp kỹ thuật công nghệ giúp ngành Khoa học và Công nghệ thực hiện;

- Tăng cường tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số của tỉnh, của ngành Khoa học và Công nghệ.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

Trên đây là Kế hoạch “Triển khai ứng dụng ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong quá trình tổ chức, thực hiện, nếu thấy cần bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX và TP Huế;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.



Nguyễn Thanh Bình



Phụ lục

Danh mục nhiệm vụ, đề án thuộc Kế hoạch Triển khai ứng dụng CNTT và CDS ngành KH&CN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)					Nguồn kinh phí	Thời gian dự kiến thực hiện
				2022	2023	2024	2025	Tổng		
				0	1500	1450	1350	6200		
I	Ứng dụng CNTT&CDS ngành KH&CN hướng đến hoàn thiện Chính quyền điện tử và xây dựng Chính quyền số, Công sở số									
1	Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển của ngành KH&CN hướng đến hoàn thiện chính quyền điện tử và xây dựng Chính quyền số	Sở KHCN	Sở Tư pháp; Các đơn vị liên quan	40	20	20	20	100	Theo kế hoạch của UBND tỉnh	2022-2025
2	Duy trì, vận hành hệ thống ISO điện tử	Sở KHCN	Văn phòng UBND tỉnh; Sở TTTT; Trung tâm CNTT tỉnh; Các đơn vị liên quan	50	50	50	50	200	NSNN[1];	2022-2025
3	Duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt hàng năm	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	50	50	50	50	200		2022-2025
4	Duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	10	50	50	50	160	NSNN	2022-2025
5	Đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ triển khai hệ thống phòng họp số, các cơ chế thử nghiệm cho hoạt động công nghệ (Sandbox). (Máy tính xách tay, màn hình led, bảng thông, Mua tài khoản Google, Bản quyền Window...)	Sở KHCN	Sở TTTT; Các đơn vị liên quan	300	50	50	50	450	NSNH	2022-2025
6	Chương trình nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cao, phát triển dịch vụ công nghệ cao (thuộc Chương trình do Bộ KHCN chủ trì giai đoạn 2021-2030)	Sở KHCN	Bộ KHCN; Sở TTTT; Các đơn vị liên quan						Theo chương trình, kế hoạch của Bộ KH&CN	2023-2025
II	Chuyển đổi số ngành hướng đến xây dựng Xã hội số									
8	Triển khai hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan						Theo Kế hoạch của UBND tỉnh	2022-2025
9	Ứng dụng nền tảng công nghệ, từng bước chuyển đổi số trong hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung (Xây dựng Hệ thống quản lý mẫu vật, xây dựng Trang Thông tin điện tử bảo tàng, Xây dựng bảo tàng số, đề phục vụ tham quan, học tập, nghiên cứu)	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	200	200	200	100	700	NSNN	2023-2025

10	Nâng cấp cơ sở dữ liệu về đo lường chất lượng, có thể truy xuất, thống kê, theo dõi tình trạng các phương tiện đo.	Sở KHCN	Sở TP; Các đơn vị liên quan	200	100	100	100	500	NSNN	2022-2025
11	CĐS Sàn công nghệ và Thư viện điện tử KH&CN.	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	250	250	250	250	1000	NSNN	2022 - 2025
12	Đề án nâng cao trình độ công nghệ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2020 - 2025.	Sở KHCN	Sở KH&ĐT, Sở Công Thương	80	40	40	40	200	NSNN; XHH [2]	2022 - 2025
III	Chuyển đổi số ngành KH&CN hướng đến phát triển Kinh tế số									
13	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan						Theo Kế hoạch của UBND tỉnh	2022-2025
14	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND)	Sở KHCN	Sở TP; Các đơn vị liên quan	20	40	40	40	140	NSNN	2022-2025
15	Xây dựng chuyên gia phần mềm quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.	Sở KHCN	Sở Công thương; Các đơn vị liên quan	200	200	150	150	700	NSNN	2022-2025
16	Hỗ trợ các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến ứng dụng CNTT&CĐS trên địa bàn tỉnh: ưu tiên đưa vào danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hàng năm đối với các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng CNTT&CĐS.	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan						Theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN của UBND tỉnh	2022-2025
17	Thúc đẩy chuyển đổi số và khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong phát triển du lịch gắn với sản phẩm OCOP	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	200	200	200	200	800	NSNN, XHH	2022-2025
18	Thúc đẩy và cung cấp, hỗ trợ sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế	Sở KHCN	Các đơn vị liên quan	200	200	200	200	800	NSNN	2022-2025
IV	Nguồn nhân lực đảm bảo triển khai									
19	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn, an ninh thông tin mạng ngành KHCN, Hội thảo về chuyển đổi số ngành KH&CN	Sở TTTT	Sở KHCN; Các đơn vị liên quan	100	50	50	50	250	NSNN	2022 - 2025

Ghi chú:

[1]: Nguồn kinh phí từ Ngân sách nhà nước;

[2]: Nguồn Kinh phí từ Xã hội hóa